| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số:463 /TB-UBND | *P. Lê Thanh Nghị, ngày 25 tháng 9 năm 2026* |

# THÔNG BÁO

## Danh mục các thông tin phải được công khai, thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện trên địa bàn phường Lê Thanh Nghị

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Căn cứ Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị ban hành Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị;

Ủy ban nhân dân phường thông báo công khai danh mục các thông tin phải được công khai, thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện như sau:

### I. DANH MỤC CÁC THÔNG TIN PHẢI CÔNG KHAI

Theo Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16, Danh mục thông tin phải được công khai của Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị bao gồm các nội dung sau:

1. Các thông tin sau đây phải được công khai:

a) Chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của phường; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; báo cáo công tác định kỳ của phường; các chương trình, kế hoạch chuyên đề thuộc lĩnh vực quản lý;

b) Văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND phường ban hành; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của UBND phường; Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của phường đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính; thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của UBND phường;

c) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường và phòng, ban, đơn vị thuộc phường; nhiệm vụ, quyền hạn của

cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy định, quy chế do phường ban hành; kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; định mức, tiêu chuẩn, chế độ, kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

d) Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; báo cáo tài chính năm; quyết toán ngân sách nhà nước đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; các khoản hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước cho người dân trên địa bàn; thủ tục ngân sách nhà nước; thông tin về thuế, phí, lệ phí;

đ) Thông tin về quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định (nếu có) ; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

e) Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

g) Thông tin về tài sản công theo quy định của pháp luật; việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về dự án đầu tư kinh doanh; kết quả lựa chọn nhà thầu và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu;

h) Kết luận thanh tra; báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng; báo cáo kiểm toán sau khi phát hành, báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán (khi được phép công khai); kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phi; chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả xử lý hành vi gây lãng phí;

i) Thông tin việc xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dược, lao động, xây dựng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo vệ môi trường, thuế, chứng khoán, sở hữu trí tuệ, đo lường, sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội; thông tin về việc người sử dụng lao động chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định);

k) Thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn; quy hoạch xây dựng; nội dung công bố, công khai quy hoạch theo hồ sơ được duyệt;

l) Thông tin về kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn; kết quả điều tra, đánh giá đất đai; quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; mốc giới sử dụng đất trong hành lang bảo vệ an toàn;

m) Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; danh mục dự án nhà ở đang triển khai; kiểm định chung cư; cải tạo, xây dựng lại chung cư; nội dung thuộc thẩm quyền công khai tại địa bàn;

n) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe; kết luận kiểm tra, giám sát liên quan đến, an toàn thực phẩm; thông tin về danh sách các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động (nếu thuộc phạm vi quản lý, công bố); thông tin về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh vi phạm pháp luật về y tế;

o) Thông tin chung về cơ sở giáo dục; thu, chi tài chính của cơ sở giáo dục; điều kiện bảo đảm chất lượng, kế hoạch và kết quả hoạt động đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (tiểu học và trung học cơ sở);

p) Thông tin về chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường; kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; thông tin về sự cố; thông nguồn thải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường trên địa bàn; báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường (phần được công khai); thông tin về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; kết quả quan trắc chất lượng môi trường;

q) Danh mục, danh sách về di sản văn hóa, nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được phê duyệt, công bố tại địa phương nơi có di tích;

r) Thông tin thị trường lao động theo quy định của pháp luật về việc làm; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học; danh mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ;

s) Thông tin về Bộ thủ tục hành chính; quy trình nội bộ; thời hạn giải quyết; phí, lệ phí (nếu có); mức độ dịch vụ công trực tuyến; đầu mối hỗ trợ; thông tin về bảo đảm chất lượng dịch vụ công trực tuyến theo quy định; kết quả đánh giá mức độ phổ cập và khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến;

t) Kế hoạch chuyển đổi số được phê duyệt; thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về nền tảng số dùng chung (phần được phép công khai); kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số;

u) Danh mục thông tin phải được công khai theo quy định; tên, địa chi, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cơ quan, đơn vị đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; địa chỉ các kênh công khai, cung cấp thông tin theo yêu cầu;

v) Các nhóm thông tin phát sinh mà pháp luật chuyên ngành quy định bắt buộc công khai (theo từng lĩnh vực phòng phụ trách).

## II. DANH MỤC CÁC THÔNG TIN CÔNG DÂN KHÔNG ĐƯỢC TIẾP CẬN

Theo Điều 15 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16, Danh mục thông tin công dân không được tiếp cận của Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị bao gồm các nội dung sau:

1. Thông tin thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật thì công dân được tiếp cận theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

2. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo quy định của pháp luật dân sự và dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Tiếp cận thông tin.

3. Bí mật kinh doanh theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Tiếp cận thông tin.

4. Thông tin mà nếu cung cấp sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp hoặc tài sản của cơ quan, tổ chức hoặc người khác.

Việc xác định thông tin tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa quy định, căn cứ vào điều kiện thực tế, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xem xét, quyết định việc cung cấp thông tin.

5. Thông tin thuộc bí mật công tác do cơ quan, đơn vị xác định theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan, đơn vị; tài liệu do cơ quan, đơn vị soạn thảo cho công việc nội bộ.

## III. DANH MỤC THÔNG TIN ĐƯỢC TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN

Theo Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị bao gồm các nội dung sau:

1. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

2. Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

3. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong

trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**IV. CÁC HÌNH THỨC CÔNG KHAI**

1. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị.

2. Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị và các địa điểm dễ tiếp cận khác.

3. Thông qua các hình thức khác thuận lợi cho công dân tiếp cận theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 của Chính phủ.

**V. ĐỊA CHỈ TIẾP NHẬN VÀ ĐẦU MỐI CUNG CẤP THÔNG TIN**

- Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị, số 312 Ngô Quyền, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng. Email: phuonglethanhnghi@haiphong.gov.vn.

- Thông tin đầu mối cung cấp thông tin:

+ Đồng chí Vũ Thủy Lan. Chức vụ: Chánh Văn phòng HĐND&UBND phường Lê Thanh Nghị. Số điện thoại: 0978512171. Địa chỉ email: vuthuylan81@haiphong.gov.vn.

+ Đồng chí Lương Minh Khải. Chức danh: Chuyên viên, Văn phòng HĐND&UBND phường Lê Thanh Nghị. Số điện thoại: 0975680315. Địa chỉ email: luongminhkhai77@haiphong.gov.vn.

Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị thông báo đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân biết, thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Sở Tư pháp;
- TT Đảng ủy phường (để b/c);
- CT, các PCT UBND phường;
- Các phòng, đơn vị thuộc phường;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Minh Đức**